

# Thành lập và phát triển doanh nghiệp trong cơ sở giáo dục đại học: Kinh nghiệm của Hàn Quốc và hàm ý chính sách cho Việt Nam

HOÀNG VĂN HẢO\*

**Thành lập và phát triển doanh nghiệp (PTDN) trong các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) có ý nghĩa quan trọng nhằm chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học và khẳng định vai trò đóng góp cho sự phát triển xã hội. Ở mỗi quốc gia, các chính sách khác nhau đã và đang được vận dụng phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, cũng như hệ thống giáo dục đại học của mỗi nước. Bài viết trình bày kinh nghiệm của Hàn Quốc về thành lập và PTDN trong CSGDĐH, từ đó đưa ra một số hàm ý trong quá trình hoạch định và thực thi các chính sách ở Việt Nam.**

## KINH NGHIỆM TỪ HÀN QUỐC

So với các quốc gia khác, Hàn Quốc có đặc điểm nổi bật về sự hỗ trợ từ Chính phủ nhằm thúc đẩy việc tận dụng lợi ích kinh tế từ các nghiên cứu khoa học, công nghệ (KHCN). Quốc gia này có những chính sách khá đặc thù để thúc đẩy hoạt động PTDN. Chính phủ đã đầu tư kinh phí cho nghiên cứu một cách bài bản, nghiêm túc về PTDN trong các CSGDĐH. Nhờ hệ thống giáo dục của nước này có mức độ tập trung hóa cao, nên sự can thiệp của Chính phủ rất thuận lợi.

Cùng với việc đổi mới sáng tạo quốc gia và thúc đẩy các phát minh, hoạt động chuyển giao công nghệ, Hàn Quốc cũng tập trung vào hệ thống quốc gia về học tập, phổ biến công nghệ gắn với khởi nghiệp sáng tạo. Hệ thống này đã tạo dựng một nền tảng nghiên cứu và chuyển giao KHCN nhằm đảm bảo khả năng tự đổi mới, sự tự chủ về công nghệ nói chung, để thúc đẩy các sáng kiến. Điều này đã giúp Hàn Quốc không chỉ thỏa mãn nhu cầu của thị trường nội địa mà còn cả của thị trường châu Á và thế giới. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, hoạt động khởi sự kinh doanh của các doanh nghiệp thành công do tập trung vào các thị trường ngách, cũng như thị trường còn bỏ ngỏ.

Chính phủ Hàn Quốc đã tập trung sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ nhằm thể chế hóa quy định về vấn đề chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo, phù hợp hơn với các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới, các hiệp định ký kết. Chính phủ Hàn Quốc cũng đã tiến hành một vài công cụ chính sách để đạt được một kết quả rõ ràng và thỏa mãn cho sự đầu tư lớn vào đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) cộng đồng (bao gồm cả các viện nghiên cứu của Chính phủ và các trường đại học). Việc triển khai các hoạt động PTDN đều có sự phối hợp chặt chẽ với các CSGDĐH, tổ chức nghiên cứu để tác động đến đúng đối tượng mà họ đang có nhu cầu. Các CSGDĐH đã nhận thức được sứ mệnh của mình, ngoài cung cấp dịch vụ đào tạo và tiến hành nghiên cứu theo đơn đặt hàng, thì họ còn có trách nhiệm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, với việc đề cao quan điểm doanh nghiệp đại học. Điều này đã khơi dậy được tinh thần kinh thương của không chỉ các nhà khoa học, đội ngũ giảng viên mà còn cả sinh viên.

Chương trình Nghiên cứu về các doanh nghiệp trong trường đại học INNOPOLIS (IRIS) đã bắt đầu nhận được sự chú ý đáng kể từ những nhà hoạt động cộng đồng. Chương trình IRIS nói đến một công ty được thành lập bởi các viện nghiên cứu cộng đồng như là các viện nghiên cứu của Chính phủ hoặc các trường đại học. Lý do, mà người ta ngày càng biết tới chương trình IRIS, là vì các công ty thuộc IRIS đã thể hiện được trong việc tạo ra công việc, cũng như sự tăng trưởng kinh doanh.

Các doanh nghiệp trong trường đại học thực chất là những doanh nghiệp, công ty mới được thành lập để

\*TS., Trường Đại học Công đoàn



**BẢNG 1: SỐ LƯỢNG CÁC CÔNG TY THUỘC IRIS ĐƯỢC THÀNH LẬP QUA CÁC NĂM BỞI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 2013-2015**

Loại tổ chức	2013	2014	2015	Cộng
Số DN thuộc các viện KHCN	5	6	8	19
Số DN thuộc các đại học	2	21	31	54
<b>Tổng cộng</b>	<b>7</b>	<b>27</b>	<b>39</b>	<b>73</b>

**BẢNG 2: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VÀ TỶ LỆ CÁC CÔNG TY ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO LOẠI HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở HÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 2013-2015**

Loại tổ chức	Số lượng/Tỷ lệ tương ứng	2013	2014	2015	Cộng 3 năm
Các đại học công lập	Số lượng	1	16	20	37
	Tỷ lệ (%)	50	76,2	64,5	68,5
Các đại học tư thục	Số lượng	1	5	11	17
	Tỷ lệ (%)	50	23,8	35,5%	31,5

Nguồn: Jung, H và Kim, B. K., 2017

khai thác, thương mại hóa thông qua kiến thức, công nghệ hoặc những kết quả nghiên cứu đã được phát triển trong các trường đại học. Những công ty thuộc IRIS được thành lập bởi các trường đại học đã cho thấy rằng, các trường đại học đã và đang tham gia một cách năng động trong việc thương mại hóa kiến thức. Các trường đại học đã có chuyển biến rõ rệt khi hoạt động của các CSGDDH có tính doanh nghiệp. Điều này khẳng định vai trò của những nhà kiến tạo kiến thức cho sự đổi mới nền kinh tế. Sự thay đổi này rất đáng ghi nhận cho phần lớn các trường đại học ở Hàn Quốc, khi các trường đại học đã tập trung vào nghiên cứu giáo dục truyền thống trong thập niên 90. Thực tế này cho thấy, chính sách mới cho các CSGDDH mang tính doanh nghiệp như là IRIS đã thúc ép các trường đại học ở Hàn Quốc phải thương mại hóa công nghệ của họ.

Thành công của Chương trình IRIS là việc các trường đại học thành lập và cho đi vào hoạt động các công ty thuộc IRIS trong thời gian qua. Điều đáng mừng là, chỉ trong một khoảng thời gian tương đối ngắn đã có sự tăng trưởng đáng kể về số lượng các doanh nghiệp trong trường đại học.

Các chính sách trong Chương trình IRIS còn khuyến khích thành lập các doanh nghiệp trong các viện KHCN. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp thuộc các đại học vẫn chiếm tỷ lệ lớn hơn (Bảng 1). Trong đó, giai đoạn 2013-2015, số lượng doanh nghiệp thuộc các trường đại học tư thục chiếm 31,5% (Bảng 2).

### MỘT SỐ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy, để thành lập và PTDN trong các trường đại học, vai trò của Nhà nước giữ khá quan trọng. Các chính sách liên quan đến

lĩnh vực này cần có sự đồng bộ, với trách nhiệm của các cơ quan hữu quan, cũng như vai trò các tổ chức, doanh nghiệp khác trong nền kinh tế. Vì thế, trong thời gian tới, các chính sách về thành lập và PTDN trong CSGDDH ở Việt Nam cần lưu ý những điểm sau:

#### *Một là, thành lập và PTDN trong trường đại học học đồng bộ với phát triển thị trường công nghệ*

Chính phủ cần thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghệ, vì chính sự phát triển của thị trường này sẽ tạo thuận lợi cho sự hợp tác giữa các bên. Sự chuyển nhượng giấy phép sử dụng sáng chế là một thủ tục. Khi đó, công nghệ được cấp bằng và có thể được phổ biến, cũng như được sử dụng với một mức giá do người mua và người bán tự thỏa thuận. Phát triển thị trường công nghệ còn là điều kiện quan trọng cho phát triển mối liên kết đại học - doanh nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Các chính sách của Nhà nước ban hành cần tạo cơ hội, điều kiện để các doanh nghiệp trong trường đại học phát triển theo đà phát triển chung của thị trường công nghệ. Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghệ, sự phát triển của thị trường này sẽ tạo thuận lợi cho sự hợp tác giữa các bên. Bởi, quy luật thị trường cho phép những trao đổi tri thức trong khuôn khổ giấy phép sử dụng sáng chế, song lại tạo ra sức ép không hề nhỏ cho các doanh nghiệp khi được thành lập và đi vào hoạt động. Thị trường này cung cấp phương tiện phổ biến công nghệ đã được cấp bản quyền, nó sẽ cho phép doanh nghiệp tập trung nguồn lực R&D vào những lĩnh vực, mà doanh nghiệp của đại học phải có lợi thế vượt trội.

#### *Hai là, thành lập và PTDN trong CSGDDH gắn với đổi mới đại học theo hướng tăng cường tự chủ*

Kinh nghiệm từ Hàn Quốc cho thấy, quá trình đổi mới bậc giáo dục đại học theo hướng tự chủ để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thành lập, PTDN đã tạo ra yêu cầu tất yếu phải đổi mới cơ cấu tổ chức của CSGDDH. Trường đại học cần tận dụng tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ tích cực từ phía Nhà nước. Để PTDN trong các trường đại học, một thực tế không thể phủ nhận là các CSGDDH sẽ gặp khó khăn, nếu



thiếu sự ủng hộ về chính sách từ phía Nhà nước. Chỉ khi các cơ quan quản lý gỡ bỏ những rào cản về chính sách, cho phép các trường đại học được đầu tư vào các dự án với các doanh nghiệp bên ngoài, thì các hoạt động PTDN mới bắt đầu được thúc đẩy mạnh mẽ. Các chính sách với doanh nghiệp KHCN không chỉ tạo ra động lực thúc đẩy sự ra đời của doanh nghiệp KHCN, mà còn phải tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững. Chính sách phát triển khuyến khích doanh nghiệp KHCN cùng các lĩnh vực liên kết với nhau nhằm tạo ra một hệ sinh thái bền vững.

**Ba là, CSGDDH tư thục có nhiều động lực trong thành lập và phát triển doanh nghiệp**

Các trường đại học cần nỗ lực để trở thành tổ chức tiên phong trong quá trình đẩy mạnh thành lập, phát triển doanh nghiệp. Mỗi một CSGDDH cần chủ động thành lập và PTDN nhằm thúc đẩy quá trình chuyển giao KHCN, nâng cao năng lực hoạt động của mình.

Như đã nói ở trên, đổi mới quản trị đại học cần được đẩy mạnh hơn nữa nhằm cơ cấu tổ chức và phát huy được nguồn lực tài chính. Thực tế ở Hàn Quốc đã chỉ ra rằng, cả trường công lập hay tư thục đều phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp trong trường đại học.

**Bốn là, xây dựng và phát huy tinh thần kinh thương của các nhà khoa học, giảng viên và người học**

Chính sách của Việt Nam cần hướng tới thu hút sự quan tâm, chú ý của những nhà quản lý, nhà khoa học, doanh nghiệp đối tác và người có trách nhiệm liên quan trong việc đầu tư vào xây dựng các doanh nghiệp KHCN trong nhà trường.

Kinh nghiệm từ Hàn Quốc, cũng như nhiều quốc gia khác cho thấy, việc PTDN trong các CSGDDH luôn có sự ảnh hưởng bởi tinh thần kinh thương, mà trước hết là của đội ngũ các nhà khoa học. Để truyền tải tinh thần ấy, các học phần định hướng sâu vào hoạt động của doanh nghiệp hay thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, tăng cường khả năng thương mại hóa công nghệ cần được đặc biệt chú trọng và đưa vào chương trình đào tạo. Điều này thể hiện rất rõ tại một số trường đại học trên thế giới. Qua đó, sẽ tạo ra nguồn nhân lực có tinh thần khởi nghiệp, tinh thần doanh nhân để đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao cho khởi tạo và hoạt động của các doanh nghiệp trong các CSGDDH.

**Năm là, huy động các nguồn lực trong đó có nguồn lực tài chính để PTDN trong CSGDDH**

Nhà nước cần có cơ chế để khởi thông, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển cho các doanh nghiệp sau khi thành lập. Trong thực tế, một số quy định mới về cơ cấu tổ chức, theo Luật Giáo dục đại học, nhằm nâng cao năng lực quản trị của các CSGDDH cũng chậm được thực thi, bởi nhiều lý do khác nhau. Do vậy, đổi mới quản trị đại học cần được đẩy mạnh hơn nữa nhằm huy động được nguồn lực tài chính. Qua đó, thu hút đông đảo các chủ thể trong nền kinh tế nhằm đa dạng hình thức góp vốn đầu tư thành lập và PTDN. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Audretsch, D. B., Lehmann, E. E., & Paleari, S. (2015). Academic policy and entrepreneurship: a European perspective, *The Journal of Technology Transfer*, 40(3), 363-368
2. Dzisah, J., & Etzkowitz, H., (2008). Triple helix circulation: the heart of innovation and development, *International Journal of Technological Management Sustainable Development*, 7(2), 101-115
3. Etzkowitz, H., Webster, A., Gebhardt, C., & Terra, B. R. C. (2000). The future of university an the university of the Future: Evolution of ivory tower to entrepreneurial paradigm, *Research Policy*, 29(2), 313-330
4. Etzkowitz, H., & Klofsten, M. (2005). The innovating region: toward a theory of knowledge-based regional development, *R and D Management*, 35(3), 243-255
5. Jung, H., & Kim, B. K. (2017). *Determinant factors of university spin-off: The case of Korea*, New York: Springer Science and Business Media
6. Pirnay, F., Surlemont, B. & Nlemvo, F. (2003). Toward typology of university spin-offs. *Small Business Economics*, 21(4), 355-369
7. Rasmussen, E., Borch, O.J. (2010). University capabilities in facilitating entrepreneurship: a longitudinal study of spin-off ventures at mid-range universities, *Research Policy*, 39(5), 602-612
8. Slaughter, S., & Leslie, L.L. (1997). *Academic capitalism: politics, policies, and the entrepreneurial university*, Johns Hopkins University Press, Baltimore
9. Sohn, D. W., & Kenney, M. (2007). Universities, clusters and innovation systems: The case of Seoul, Korea, *World Development*, 35(6), 991-1004
10. Wright, M., Piva, E., Mosey, S. & Lockett, A. (2009). Academic entrepreneurship and business schools, *The Journal of Technology Transfer*, 34(6), 560-587